

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/DS-PT

Ngày 19-9-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Lại Văn Tùng

Ông Trần Văn San

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Ninh Bình) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Thanh S, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình).

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình).

3. Người làm chứng: Anh Trần Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện G, tỉnh Nam Định (nay là xã G, tỉnh Ninh Bình).

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Văn Đ là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa: Có mặt ông Đặng Thanh S, ông Phạm Văn Đ, anh Trần Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Đặng Thanh S trình bày:*

Ông có cung cấp dầu máy cho ông Phạm Văn Đ để đi khai thác thủy hải sản biển. Đến ngày 02-01-2019, ông và ông Phạm Văn Đ đã lập giấy thỏa thuận xác nhận công nợ với nội dung ông Phạm Văn Đ còn nợ ông với tổng số tiền là 167.590.000 đồng. Đến nay, các bên không làm ăn với nhau nữa nhưng ông Phạm Văn Đ không hoàn trả số tiền nói trên cho ông. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả cho ông số tiền là 167.590.000 đồng.

** Quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm, bị đơn là ông Phạm Văn Đ trình bày:* Khoảng năm 2016 - 2017, ông và ông Phạm Văn S1 có chung nhau góp vốn để mua 01 tàu đánh cá, cụ thể: ông góp vốn với số tiền 350.000.000 đồng, ông S1 góp vốn với số tiền là 104.300.000 đồng với thỏa thuận anh S1 là người mua hải sản và bán dầu. Đến năm 2019, ông S1 góp thêm số tiền 65.000.000 đồng. Ngày 02-01-2019, ông có ký xác nhận số tiền mua dầu còn nợ là 167.590.000 với ông S1 nhưng hai bên nhận nợ với nhau tài sản chung trên con tàu, nếu ai không làm nữa thì sẽ hoàn trả lại vốn.

Năm 2020, do thiên tai, tai nạn, ông không khai thác thủy sản được nữa nên ông có nói với ông S1 là nếu ai có nhu cầu sản xuất thì bán tàu. Do ông S1 đồng ý, ông đã giao toàn bộ tàu, đăng kiểm tàu cho ông S1 để ông S1 bán và trừ vào số nợ 167.900.000 đồng mà ông đã xác nhận nợ, ông chịu thua lỗ số tiền 350.000.000 đồng đã đầu tư, hai bên không vướng mắc với nhau nữa.

Ông thừa nhận có việc ông và vợ là bà Đặng Thị X đã ký nhận bán tàu cho ông Phan Văn T1 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q nhưng ông không nhận tiền, không biết số tiền bán tàu là bao nhiêu, mọi việc là do ông S1 thực hiện. Sau khi ký Hợp đồng bán tàu, ông S1 thông báo cho ông được biết số tiền bán tàu là 70.000.000 đồng nhưng ông không nhất trí mới xảy ra tranh chấp. Theo ông, đối với số tiền 90.000.000 đồng mà ông vay của ông S1 vào năm 2017 có thể nằm trong số tiền đã chốt nợ với ông S1; ông không nhớ và chỉ biết số nợ đã chốt với ông S1 vào năm 2019 là 167.900.000 đồng. Nay ông S1 yêu cầu ông trả số nợ mà ông đã xác nhận là 167.900.000 đồng thì ông có yêu cầu phản tố buộc ông S1 phải hoàn trả lại con tàu và giấy tờ tàu cho ông.

** Đối với yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn Đ về việc góp vốn đầu tư tàu đánh bắt hải sản và bán dầu, ông Đặng Thanh S có ý kiến như sau:* Ông không chung vốn với ông Đ nhưng là người thu mua hải sản và cung cấp dầu cho tàu đánh cá của gia đình ông Đ. Do gia đình ông Đ làm ăn thua lỗ và có ý định bán tàu nên ông đã giới thiệu người bán cho giúp con tàu của ông Đ. Ông đã giới thiệu cho ông Đ bán tàu cho ông Phan Văn T1 (địa chỉ: Xóm F, xã G, huyện G).

Việc mua bán tàu do ông Đ ký kết với ông Phan Văn T1, đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, số tiền ông T1 phải trả cho ông Đ là 70.000.000 đồng. Đối với số tiền 90.000.000 đồng trước đó ông có chuyển cho ông Đ vay thông qua anh Trần Văn T (là con rể ông Đ) thì ông và ông Đ đã thống nhất đối trừ vào số tiền nợ này, không liên quan đến số nợ 167.590.000 đồng. Ông không phải là người mua tàu, không góp vốn với ông Đ nên không có tranh chấp với ông Đ về số tiền bán tàu, góp vốn.

** Người làm chứng là anh Trần Văn T trình bày:* Anh là con rể của ông Phạm Văn Đ. Khi ông Đ mua tàu (thời điểm cụ thể anh không nhớ rõ), ông Đ có nhờ anh qua nhà ông Đặng Thanh S để cầm hộ một số tiền, số tiền cụ thể là bao nhiêu thì anh không biết; anh đã nhận tiền rồi đưa về cho ông Đ đủ số tiền mà ông S cho ông Đ vay. Anh chỉ là người làm thuê, đi tàu cho ông Đ khoảng 01 năm, sau đó anh nghỉ làm. Anh không biết việc ông Đ bán tàu hoặc giao dịch giữa ông Đ và ông S như thế nào.

Từ nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Ninh Bình) đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 278, 357, 434, 440 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 13 của Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Thanh S đối với bị đơn ông Phạm Văn Đ về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán hợp đồng mua bán;
- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phạm Văn Đ đối với ông Đặng Thanh S về hợp đồng mua bán tài sản;
- Buộc ông Phạm Văn Đ phải trả cho ông Đặng Thanh S số tiền 97.590.000 đồng (Chín mươi bảy triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và nghĩa vụ thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 17/6/2025, ông Phạm Văn Đ làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Ông Đặng Thanh S chưa đưa ra được giấy tờ thể hiện việc bán tàu cá của gia đình ông cho ông Phan Văn T1 với số tiền là bao nhiêu để trừ vào số nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Đặng Thanh S giữ nguyên nội dung khởi kiện; ông Phạm Văn Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Đ và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Ninh Bình).

+ Về án phí phúc thẩm: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn Đ được làm trong thời hạn luật định nên được HĐXX chấp nhận và xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn Đ:

[2.1] Theo các tài liệu thu thập tại cấp sơ thẩm thể hiện, ông Đặng Thanh S thường xuyên cung cấp máy dầu cho ông Phạm Văn Đ để khai thác thủy hải sản biển. Đến ngày 02/01/2019, ông Đặng Thanh S và ông Phạm Văn Đ có lập Giấy thỏa thuận xác nhận công nợ với nội dung ông Phạm Văn Đ còn nợ ông Đặng Thanh S với tổng số tiền mua dầu máy chưa trả là 167.590.000 đồng. Ông Phạm Văn Đ cũng thừa nhận nợ số tiền này của ông Đặng Thanh S. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Phạm Văn Đ có yêu cầu phản tố cho rằng ông đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ qua việc giao một con tàu của ông cùng giấy tờ sở hữu tàu cho ông Đặng Thanh S bán; vì vậy, ông yêu cầu ông S trả lại con tàu cùng giấy tờ trường hợp ông phải trả số nợ 167.590.000 đồng cho ông S. Đồng thời, ông Phạm Văn Đ xuất trình hợp đồng mua bán tàu cá giữa ông Phạm Văn Đ, bà Đặng Thị X (là vợ ông Đ) và ông Phan Văn T1, đã được UBND thị trấn Q chứng thực ngày 23- 01-2021. Tuy nhiên trong hợp đồng mua bán nói trên không nêu giá bán tàu và ông Đ không đưa ra bất cứ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc giữa ông và ông S góp vốn làm ăn và sau đó giao tàu cho ông Đặng Thanh S để bán. Ông S không thừa nhận việc góp vốn

làm ăn với ông Đ, chỉ là người cung cấp dầu máy cho ông Đ, ông không mua tàu của ông Đ mà giới thiệu người mua tàu của ông Đ là ông Phan Văn T1.

[2.3] Ông Đặng Thanh S thừa nhận số tiền 70.000.000 đồng là tiền mua tàu có của ông Phan Văn T1 để chuyển cho ông Đ; đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông S cho rằng số tiền 70.000.000 đồng đã được đối trừ vào số tiền là 90.000.000 đồng mà ông đã đưa cho người nhận anh Trần Văn T (con rể ông Đ) để cho ông Đ vay vào năm 2017. Ngoài ra, ông Đ không thừa nhận vay số tiền này; anh T cũng không thừa nhận việc nhận số tiền của ông S để chuyển cho ông Đ; ông S cũng không xuất trình được tài liệu chứng minh về việc đã cho vay ông Đ số tiền là 90.000.000 đồng.

[2.4] Trường hợp nếu ông Phạm Văn Đ có tài liệu, chứng cứ thể hiện giữa ông và ông Đặng Thanh S có việc góp vốn làm ăn; có yêu cầu giải quyết việc mua bán tàu giữa ông Phạm Văn Đ, bà Đặng Thị X và ông Phan Văn T1 thì ông Phạm Văn Đ có quyền khởi kiện để giải quyết bằng vụ án khác. Ông Đặng Văn S2 có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác đối với số tiền 90.000.000 đồng đã đưa cho anh Trần Văn T để chuyển cho ông Phạm Văn Đ vay.

[2.5] Từ nhận định như trên, việc cấp sơ thẩm xác định ông Phạm Văn Đ có nợ ông Đặng Thanh S số tiền mua dầu là 167.590.000 đồng; xác định ông Đặng Thanh S đã nhận số tiền 70.000.000 đồng của ông Đ từ việc bán tàu và đối trừ để xác định ông Phạm Văn Đ phải trả số tiền còn lại 97.590.000 đồng cho ông Đặng Thanh S là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại các Điều 278, 434, 440, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Văn Đ không xuất trình được các tài liệu mới làm căn cứ cho việc kháng cáo nên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Đ.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do ông Phạm Văn Đ là người cao tuổi, có đơn đề nghị nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Đ và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2025/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân

dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Ninh Bình).

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Phạm Văn Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND Khu vực 10 - Ninh Bình;
- Phòng THADS Khu vực 10 - Ninh Bình;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hiệp